

Số: 03/2025/KDTM - ST
Ngày 14 - 8 - 2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng kinh tế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Minh Yên

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Ngân

2. Bà Vũ Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Anh Tùng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 09/2025/TLST- KDTM ngày 31 tháng 3 năm 2025 về việc kiện "Tranh chấp hợp đồng kinh tế" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST- KDTM ngày 30 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST-KDTM ngày 27/06/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-KDTM ngày 25/7/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV H1

Địa chỉ: Số E đường H, phường K, thành phố L (Nay là phường L), tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình Đ – Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện V (N là xã V), thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu H, Địa chỉ: Tổ E, phường K, thành phố L (Nay là phường L), tỉnh Lào Cai. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Công ty TNHH T

Địa chỉ: Số A, đường N, phường B, thành phố L (Nay là phường C), tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Quốc L – Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ: Số A, đường N, phường B, thành phố L (Nay là phường C), tỉnh Lào Cai. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn Công ty TNHH MTV H1 trình bày:

Công ty TNHH MTV H1 có ký hợp đồng kinh tế số 12/HĐXD ngày 25

tháng 9 năm 2021 thi công thảm mặt đường BTN hạt trung, hạt mịn cho Công ty TNHH T.

Ngày 25/9/2021 tại Công ty TNHH MTV H1 gồm Công ty TNHH T (Bên A) và Công ty TNHH MTV H1 (Bên B) có ký Hợp đồng kinh tế số 12/HĐXD về việc Bên A giao khoán cho bên B làm toàn bộ thảm mặt đường bê tông nhựa (BTN) hạt trung lượng nhựa 43kg/tấn, khối lượng thảm là 700 tấn, đơn giá 1.200.000 đồng, thành tiền là 840.000.000 đồng; Khối lượng và giá trị trên là giá tạm tính, hai bên sẽ nghiệm thu và thanh toán theo khối lượng thực tế thi công.

Ngày 22/10/2021 tại đường B + B4 Bên A và Bên B tiến hành nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành thực tế theo Hợp đồng kinh tế số 12/HĐXD ký ngày 25/9/2021. Khối lượng hoàn thành là 861 tấn bê tông nhựa (BTN) hạt trung, lượng nhựa 43kg/tấn. Các thành viên tham gia nghiệm thu nhất trí nghiệm thu khối lượng hoàn thành 861 tấn, đạt yêu cầu và đúng theo tiến độ. Cùng ngày 22/10/2021 Bên A và Bên B tiến hành đối chiếu công nợ, thống nhất giá trị thực hiện hợp đồng số 12/HĐXD ký ngày 25/9/2021 là 861 tấn x 1.200.000, đồng = 1.033.200.000, đồng (Một tỷ, không trăm ba mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn).

Ngày 29/9/2021, Công ty TNHH T đã chuyển tiền tạm ứng thi công cho Công ty TNHH MTV H1 số tiền là: 400.000.000, đồng (Bốn trăm triệu đồng chẵn).

Ngày 18/10/2021, Công ty TNHH T thanh toán thêm cho công ty TNHH MTV H1 số tiền: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng chẵn).

Ngày 28/01/2022, Công ty TNHH T thanh toán thêm cho công ty TNHH MTV H1 số tiền là: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng chẵn).

Ngày 30/6/2024, Công ty TNHH MTV H1 và Công ty TNHH T tiến hành đối chiếu công nợ từ ngày 25/9/2021 đến ngày 30/6/2024, Công ty TNHH T còn nợ Công ty TNHH MTV H1 số tiền là: 333.200.000 đồng (Ba trăm ba mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn).

Đến nay đã quá hạn thanh toán theo hợp đồng nhưng Công ty TNHH T vẫn chưa thanh toán khoản tiền gốc cũng như lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi suất chậm trả cho Công ty TNHH MTV H1 cụ thể gốc và lãi như sau:

Lãi suất trong hạn, quá hạn từ ngày 25/12/2021 đến ngày 27/01/2022 của số tiền 433.200.000 đồng, lãi suất 10,5%/năm là: 34 ngày số tiền là:

$$433.200.000 \text{ đồng} \times 10,5\% : 365 \text{ ngày} \times 34 \text{ ngày} = 4.237.052 \text{ đồng}$$

Lãi suất trong hạn, quá hạn từ ngày 28/01/2022 đến ngày 27/01/2023 của số tiền 333.200.000 đồng, lãi suất 10,5%/năm (362 ngày) là:

$$\text{Số tiền là: } 333.200.000 \text{ đồng} \times 10,5\% : 365 \text{ ngày} \times 362 \text{ ngày} \times 1,5 = 52.479.000 \text{ đồng}$$

Lãi suất trong hạn, quá hạn từ ngày 28/01/2023 đến ngày 24/01/2024 của số tiền 333.200.000 đồng, lãi suất 10,5%/năm là: 362 ngày số tiền là: 333.200.000 đồng x 10,5% : 365 ngày x 362 ngày x 1,5 = 52.047.666 đồng

Lãi suất trong hạn, quá hạn từ ngày 24/01/2024 đến ngày 31/12/2024 của số tiền 333.200.000 đồng lãi suất 10,5%/năm là: 341 ngày số tiền là: 333.200.000 đồng x 10,5% : 365 ngày x 341 ngày x 1,5 = 49.028.326 đồng

Lãi suất trong hạn, quá hạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 05/01/2025 của số

tiền 333.200.000 đồng, lãi suất 10,5%/năm là: 5 ngày số tiền là: 333.200.000 đồng x 10,5% : 365 ngày x 5 ngày x 1,5 = 718.890 đồng

Tổng số nợ gốc đến ngày 05/01/2025 số tiền là: 333.200.000 đồng (Ba trăm ba mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng).

Tổng số nợ lãi trong hạn, quá hạn từ ngày 25/12/2021 đến ngày 05/01/2025 là: 158.510.934 đồng (Một trăm năm tám triệu, năm trăm mười nghìn, chín trăm ba mươi bốn đồng).

Công ty TNHH MTV H1 đã nhiều lần đề nghị Công ty TNHH T thanh toán dứt điểm công nợ theo Điều 3 Hợp đồng kinh tế số 12/HĐXD ngày 25 tháng 9 năm 2021 nhưng phía Công ty TNHH T không hợp tác, hèn nhưng không thanh toán, nhiều lần sai hẹn, thời gian nợ quá dài, thanh toán quá chậm.

Chính vì vậy Công ty TNHH MTV H1 đề nghị Q tòa xem xét và giải quyết yêu cầu Công ty TNHH T thanh toán cho Công ty TNHH MTV H1 số tiền tổng cộng là 491.710.934 đồng (Bốn trăm chín một nghìn, trong đó nợ gốc là 333.200.000 đồng và nợ lãi là 158.510.934 đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của bị đơn công ty TNHH T trình bày: Công ty TNHH T xác nhận còn nợ Công ty TNHH MTV H1 số tiền 333.200.000 đồng như công ty H1 đã khởi kiện, hai bên đã chốt công nợ.

Tuy nhiên trong quá trình hai bên thực hiện hợp đồng thẩm nhựa đường do Công ty TNHH MTV H1 nhận hợp đồng thi công với chúng tôi, đã xảy ra hiện tượng lún gây do nền đường bị sụt lún. Để đảm bảo việc bàn giao nghiệm thu với Chủ đầu tư, Công ty TNHH T đã nhiều lần gọi phía Công ty TNHH MTV H1 về thi công lại phần lún gây (tính khối lượng phát sinh), Công ty TNHH MTV H1 cũng nhiều lần hứa sẽ sửa chữa lại phần hỏng đó nhưng không thực hiện. Công ty TNHH T đã mời đơn vị khác về thi công hoàn thiện phần lún gây đó để bàn giao cho chủ đầu tư. Hiện nay chúng tôi đã hoàn tất thủ tục để quyết toán công trình nhưng do nhiều khó khăn chưa giải quyết xong, đồng thời với tình hình tài chính khó khăn nên chưa thể bố trí để thanh toán nốt phần tiền còn thiếu cho Công ty TNHH MTV H1 được. Công ty TNHH T cam kết sẽ sớm bố trí để thanh toán nốt số tiền nợ sớm nhất có thể trong năm 2025 cho phía Công ty TNHH MTV H1.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết buộc công ty TNHH T thanh toán số tiền nợ gốc 333.200.000 đồng và thay đổi mức tính tiền nợ lãi: tính từ ngày 29/01/2022 đến ngày 27 tháng 6 năm 2025, lãi suất 8%/năm, thành tiền là: 98.894.335 đồng (Chín mươi tám triệu, tám trăm chín mươi bốn nghìn, ba trăm ba mươi lăm đồng), tổng cả gốc và lãi là 432.094.335 đồng. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Lào Cai tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án các thủ tục tố tụng được tiến hành đầy đủ, đúng quy định. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 147 Điều 227; Điều 228; Điều 238, Khoản 2 điều 244; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 351; Điều 357; Điều 401; Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều

138; Điều 139; Điều 140; Điều 141 Luật xây dựng 2014 sửa đổi bổ sung năm 2020; Điều 306 Luật Thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty TNHH T có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH MTV H1 số tiền nợ gốc là 333.200.000 đồng, và tiền lãi suất 8%/năm, (từ ngày 29/01/2022 đến ngày 27/6/2025) là 98.894.335 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 432.094.335 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản tiền lãi là 59.616.599 đồng. Tuyên nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng kinh tế. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lào Cai). Nguyên đơn công ty TNHH MTV H1 khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH T phải trả số tiền còn nợ gốc và lãi suất khi thực hiện hợp đồng giao khoán làm toàn bộ thảm mặt đường bê tông nhựa (BTN). Vì vậy Tòa án xác định mối quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng kinh tế về lĩnh vực thi công xây dựng” theo điều 140 Luật xây dựng 2014 sửa đổi bổ sung năm 2020. Nguyên đơn và bị đơn ký kết hợp đồng hợp đồng giao khoán làm toàn bộ thảm mặt đường bê tông nhựa (BTN) đoạn từ B2 đến B4 thuộc địa phận phường N, thành phố L (nay là phường C, tỉnh Lào Cai). Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai theo Điều 30; điều 35; điểm g khoản 1 điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người đại diện theo pháp luật của bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại các điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung vụ án:

Ngày 25/9/2021 Công ty TNHH T (Bên A) và Công ty TNHH MTV H1 (Bên B) có ký Hợp đồng kinh tế số 12/HĐXD về việc Bên A giao khoán cho bên B làm toàn bộ thảm mặt đường bê tông nhựa (BTN) hạt trung lượng nhựa 43kg/tấn, khối lượng thảm là 700 tấn, đơn giá 1.200.000 đồng, thành tiền là 840.000.000 đồng; Khối lượng và giá trị trên là giá tạm tính, hai bên sẽ nghiệm thu và thanh toán theo khối lượng thực tế thi công.

Xét thấy công ty TNHH MTV H1 và Công ty TNHH T ký kết hợp đồng giao khoán là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc, nội dung và hình thức phù hợp quy định pháp luật nên hợp đồng có giá trị thi hành đối với các bên tham gia ký kết hợp đồng, hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký. Sau khi ký hợp đồng, Công ty TNHH MTV H1 đã thực hiện theo hợp đồng giao khoán. Quá trình thực

hiện hợp đồng, ngày 29/9/2021, Công ty TNHH T đã chuyển tiền tạm ứng thi công cho Công ty TNHH MTV H1 số tiền là: 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng chẵn); Ngày 18/10/2021, Công ty TNHH T thanh toán thêm cho công ty TNHH MTV H1 số tiền: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng chẵn). Ngày 22/10/2021, các bên đã tiến hành nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành thực tế theo Hợp đồng kinh tế số 12/HĐXD ký ngày 25/9/2021. Khối lượng hoàn thành là 861 tấn bê tông nhựa (BTN) hạt trung, lượng nhựa 43kg/tấn. Các thành viên tham gia nghiệm thu nhất trí nghiệm thu khối lượng hoàn thành 861 tấn, đạt yêu cầu và đúng theo tiến độ. Cùng ngày 22/10/2021 Bên A và Bên B tiến hành đối chiếu công nợ, thống nhất giá trị thực hiện hợp đồng số 12/HĐXD ký ngày 25/9/2021 là 861 tấn x 1.200.000 đồng = 1.033.200.000 đồng. (Một tỷ, không trăm ba mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn).

Ngày 28/01/2022, Công ty TNHH T thanh toán thêm cho công ty TNHH MTV H1 số tiền là: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng chẵn).

Ngày 30/6/2024, Công ty TNHH MTV H1 và Công ty TNHH T tiến hành đối chiếu công nợ từ ngày 25/9/2021 đến ngày 30/6/2024, Công ty TNHH T còn nợ Công ty TNHH MTV H1 số tiền là: 333.200.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm ba mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng chẵn).

Do công ty TNHH T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên công ty TNHH MTV H1 khởi kiện để thu hồi khoản tiền còn nợ là phù hợp với quy định pháp luật.

Về lãi suất: Công ty H1 khởi kiện yêu cầu công ty T có trách nhiệm thanh toán nợ gốc 333.200.000 đồng (ba trăm ba mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng) và lãi suất nợ trong hạn, nợ quá hạn tính đến ngày 05/01/2025 là: 158.510.934 đồng. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, công ty TNHH MTV H1 thay đổi nội dung yêu cầu về lãi suất, đề nghị Tòa án giải quyết buộc công ty TNHH T thanh toán tiền nợ gốc như đã chốt công nợ, lãi suất 8%/năm tính từ ngày 29/01/2022 đến ngày 27/6/2025) là 98.894.335 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 432.094.335 đồng (Bốn trăm ba mươi hai triệu, không trăm chín mươi bốn nghìn, ba trăm ba mươi lăm đồng).

Theo Điều 3 Hợp đồng kinh tế số 12/HĐXD, “Sau thời gian 15 ngày mà bên A không thanh toán được cho bên B. Bên B sẽ tính lãi suất quá hạn do Ngân hàng T1 chi nhánh L1 áp dụng tại thời điểm cho đến khi bên A thanh toán hết cho bên B.” Tại các biên bản đối chiếu công nợ các bên không thỏa thuận về lãi suất cụ thể tính theo lãi suất của ngân hàng nào, trong Hợp đồng kinh tế ký kết giữa hai bên có thỏa thuận về lãi suất nhưng không rõ ràng. Tòa án đã ra văn bản yêu cầu Ngân hàng TMCP T2 (T3) chi nhánh L1 cung cấp lãi suất cho vay trong hạn: Từ ngày 04/8/2022 đến ngày 04/2/2023 lãi suất cho vay trong hạn là 12,2%/năm; Từ ngày 08/2/2023 đến ngày 08/8/2023, lãi suất cho vay trong hạn là 9,65%/năm; lãi suất cho vay quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Như vậy, đối chiếu với nội dung thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán tiền lãi suất là 8%/năm, thấp hơn mức lãi suất cho vay trong hạn của T3 công bố từ ngày 29/01/2022 đến ngày 08/8/2023; Ngoài ra Tòa án đã có văn bản yêu cầu cung cấp lãi suất của một số ngân hàng đang hoạt động trên địa bàn; tại văn bản số 230/NHNo.LCII-KT ngày 26/6/2025 của Ngân hàng N Chi nhánh K, thông báo mức lãi suất từ năm 2023: 9,5%/năm, năm 2024 Từ 8%/năm, năm

2025 từ 7,5%/năm; Thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Q1: năm 2023: Từ 8,98%/năm; Năm 2024: Từ 7,68%/năm, năm 2025: Từ 6,21%/năm; Như vậy việc công ty TNHH MTV H1 yêu cầu mức lãi suất 8%/năm là phù hợp với quy định tại điều 306 của Luật Thương mại nên được chấp nhận. Tuy nhiên tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất là 158.510.934 đồng. Tại biên bản ghi lời khai nguyên đơn nộp sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn chỉ yêu cầu số tiền lãi suất là 98.894.335 đồng. Như vậy xác định nguyên đơn đã rút một phần nội dung khởi kiện về tiền lãi suất (giảm 59.616.599 đồng). Xét thấy việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên tòa đối với số tiền lãi suất là 59.616.599 đồng.

Về nghĩa vụ chịu án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Bị đơn phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Khoản 1 điều 35; Điểm g Khoản 1 điều 40; Khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 238; Khoản 2 điều 244; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 280, Điều 351; Điều 357; Điều 401; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 138; Điều 139; Điều 140; Điều 141 Luật xây dựng 2014 sửa đổi bổ sung năm 2020; Điều 306 Luật Thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản tiền lãi là: 59.616.599 đồng (Năm mươi chín triệu, sáu trăm mười sáu nghìn, năm trăm chín mươi chín đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên H1. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T phải trả số tiền còn nợ là 333.200.000 đồng (*Ba trăm ba mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng*), số tiền lãi (tính từ ngày 29/01/2022 đến ngày 27/6/2025) là 98.894.335 đồng (*Chín mươi tám triệu, tám trăm chín mươi bốn nghìn, ba trăm ba mươi lăm đồng*). Tổng cả gốc và lãi là 432.094.335 đồng (*Bốn trăm ba mươi hai triệu, không trăm chín mươi bốn nghìn, tám trăm mười đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc, bên thi hành thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về nghĩa vụ chịu án phí:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên H1 không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.834.219 đồng (Mười một triệu, tám trăm ba mươi bốn nghìn, hai trăm mười chín đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 170 ngày 31/3/2025

của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lào Cai (nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 6 – tỉnh Lào Cai).

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn T phải chịu 21.283.773 đồng (Hai mươi một triệu, hai trăm tám ba nghìn, bảy trăm bảy ba đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND KV 6- Lào Cai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự (2)
- Lưu HS; TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Minh Yên